

Số: 457/BC-BYT

Hà Nội, ngày 02 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19

(Từ 16h00 ngày 30/3/2022 đến 16h00 ngày 31/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 487,2 triệu ca, trên 6,1 triệu ca tử vong.

Ngày 30/3, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã công bố bản cập nhật đánh giá về dịch COVID-19, theo đó WHO đã nêu ra 3 kịch bản dịch bệnh có thể diễn biến trong năm nay. Kịch bản có khả năng xảy ra nhất là virus SARS-CoV-2 tiếp tục tiến hóa, nhưng mức độ nghiêm trọng của dịch sẽ giảm xuống theo thời gian, khi khả năng miễn dịch tăng lên nhờ vaccine và lây nhiễm; tuy nhiên, WHO cũng thận trọng cho rằng những đợt gia tăng số ca nhiễm và tử vong sẽ xảy ra theo giai đoạn, khi miễn dịch suy giảm, điều này có thể khiến việc tiêm bổ sung cho các nhóm dân số dễ bị tổn thương là cần thiết. Ngoài ra, hai kịch bản còn lại là các biến thể ít nguy hiểm hơn sẽ xuất hiện, và khi đó các mũi vaccine tăng cường hoặc công thức vaccine mới có thể sẽ không cần thiết, hoặc một biến chủng mới sẽ xuất hiện và sẽ khiến khả năng chống lây nhiễm của vaccine giảm xuống nhanh chóng.

Cơ quan Quản lý thực phẩm và dược phẩm (FDA) và Trung tâm Phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh Mỹ (CDC) đã có hướng dẫn mới cho phép người trên 50 tuổi được tiêm mũi vaccine thứ 4 của Pfizer-BioNTech hoặc Moderna ít nhất 4 tháng sau mũi tiêm tăng cường đầu tiên. Bên cạnh đó, những người suy giảm hệ miễn dịch cũng có thể tiêm mũi tăng cường thứ 2. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia y tế cộng đồng hiện cho rằng một số đối tượng trẻ và khỏe hơn trong nhóm trên không nên vội vã tiêm mũi thứ 4.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 31/3/2022, cả nước ghi nhận 9.564.609 ca mắc, trong đó 9.558.446 ca trong nước. Đến nay đã có 7.519.013 người khỏi bệnh, 42.454 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 9.561.757 ca, trong đó có 9.556.876 ca trong nước, 7.516.196 người đã khỏi bệnh (78,6%), 42.419 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 80.838 ca dương tính, trong đó có 80.827 ca ghi nhận trong nước tại 62 tỉnh thành phố: Hà Nội (8.054), Phú Thọ (3.415), Nghệ An (3.399), Yên Bái (3.156), Đắk Lắk (3.107), Lào Cai (2.981), Hải Dương (2.864), Bắc Giang (2.688), Quảng Ninh (2.509), Quảng Bình (2.352), Hà Giang (2.344), Lạng Sơn (2.159), Vĩnh

Phúc (2.039), Thái Bình (1.966), Bắc Kạn (1.917), Sơn La (1.813), Hưng Yên (1.784), Tuyên Quang (1.672), Bắc Ninh (1.653), Vĩnh Long (1.642), Cao Bằng (1.630), Bình Định (1.437), Quảng Trị (1.369), Cà Mau (1.265), Lâm Đồng (1.264), Hà Nam (1.258), Tây Ninh (1.238), Thái Nguyên (1.179), Điện Biên (1.164), Hòa Bình (1.160), Lai Châu (1.097), Ninh Bình (1.046), Hồ Chí Minh (924), Quảng Ngãi (920), Bến Tre (876), Bình Dương (827), Bình Phước (766), Hà Tĩnh (757), Đà Nẵng (736), Bà Rịa - Vũng Tàu (688), Nam Định (672), Thừa Thiên Huế (589), Trà Vinh (539), Thanh Hóa (535), Đắk Nông (426), Phú Yên (408), Khánh Hòa (386), Hải Phòng (365), Bình Thuận (341), Quảng Nam (270), Kon Tum (179), An Giang (178), Bạc Liêu (166), Kiên Giang (161), Long An (125), Cần Thơ (101), Đồng Nai (97), Đồng Tháp (85), Sóc Trăng (52), Ninh Thuận (20), Hậu Giang (12), Tiền Giang (5).

- Có 11 ca nhập cảnh ghi nhận tại Nghệ An (6), Hà Nội (3), An Giang (2).

- Trong ngày, ghi nhận bổ sung 11.517 ca mắc tại Hưng Yên sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Hải Dương (+1.081), Vĩnh Long (+188), Quảng Ngãi (+154).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Bắc Giang (-1.311), Lạng Sơn (-466), Bình Dương (-383).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 56.105 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 69,4% tổng số mắc trong ngày), giảm 6.231 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.587 ca cộng đồng (giảm 1.799 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 1.474.782 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 2.681 ca cộng đồng (giảm 205 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 140.746 ca.

+ Tỉnh Yên Bái: Trong ngày ghi nhận 2.283 ca thông qua sàng lọc (giảm 923 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 113.958 ca.

+ Tỉnh Quảng Ninh: Trong ngày ghi nhận 2.269 ca cộng đồng (giảm 38 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 295.602 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Tuyên Quang tăng 2.190 ca, Yên Bái tăng 1.029 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bắc Ninh (giảm 15.879 ca), Lạng Sơn (giảm 11.849 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 7.516.196 người đã khỏi bệnh (78,6%), tăng 250.482 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 2.003.142 trường hợp, trong đó có 2.975 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.379 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 281; (3) Thở máy không xâm lấn: 99; (4) Thở máy xâm lấn: 216.

- Trong ngày 30/3, ghi nhận 41 trường hợp tử vong (giảm 14 ca so với ngày trước đó), tại: Kiên Giang (6), Bến Tre (4), Đắk Lắk (4), Sóc Trăng (4), Lạng Sơn (3), Bình Dương (2), Bình Định (2), Trà Vinh (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bạc Liêu (1), Cần Thơ (1), Đà Nẵng (1), Đắk Nông (1), Điện Biên (1), Đồng Nai (1), Gia Lai (1), Lâm Đồng (1), Nam Định (1), Thái Nguyên (1), Thanh Hóa (1), TP. Hồ Chí Minh (1), Vĩnh Long (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 31/3/2022, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 796/QĐ-BYT về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3122/ QĐ-BYT ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt có điều kiện vắc xin cho nhu cầu cấp bách trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Chỉ đạo các địa phương tổ chức tiêm liều nhắc lại vắc xin phòng COVID-19, theo đó người đã tiêm đủ liều cơ bản bằng vắc xin mRNA (vắc xin do Pfizer hoặc Moderna sản xuất) có thể tiêm liều nhắc lại bằng vắc xin do Astrazeneca sản xuất, thời gian tiêm tối thiểu là 03 tháng sau tiêm mũi cuối cùng của liều cơ bản.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 30/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.114.653 mẫu cho 88.058.073 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 38.381.489 mẫu tương đương 84.310.134 lượt người, tăng 89.439 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.989.150 mẫu gộp cho 49.447.751 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 31/3/2022 là 230.910.514 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.786.840	13.572.980	19.827.460	386.400	65.223.076
2	Pfizer	50.999.130	41.590.950	36.998.910	4.592.040	0	92.590.080
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	123.475.148	64.669.450	31.942.300	26.863.398	230.910.514
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						205.230.544
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						25.179.970

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 230,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 205,2 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 25,2 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng

vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 30/3/2022

Cả nước đã tiêm 206.106.897 liều (trong ngày tiêm được 236.013 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 100,4% số vắc xin phân bổ 135 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng ¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,7%	48,7%**
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,7%	94,9%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

(**): Đến ngày 31/3/2022, ước tính có khoảng 60% đối tượng từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm mũi 3. Đến hết ngày 30/3/2022, đã tiêm mũi 3 cho hơn 82% số đối tượng từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm mũi 3 trong quý I/2022,; số còn lại chưa tiêm mũi 3 vì một số lý do sau:

- Số lượng người mắc COVID-19 tăng cao, trùng với thời điểm cần tiêm mũi 3, do đó có sự trì hoãn tiêm chủng.

- Một bộ phận người dân đã tiêm 2 liều vắc xin sau khi mắc COVID-19 và bình phục có xu hướng không tiêm tiếp mũi 3 vì cho rằng đã có miễn dịch tự nhiên sau khi mắc bệnh.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 188.923.758 liều:

+ Mũi 1: 71.236.313 liều

+ Mũi 2: 69.536.733 liều ; Mũi bổ sung: 14.913.043 liều.

+ Mũi 3: 33.237.669 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.183.139 liều:

+ Mũi 1: 8.802.384 liều

+ Mũi 2: 8.380.755 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Số ca mắc cộng đồng trung bình 68.000 ca/ngày và tử vong trung bình 55 ca/ngày trong 7 ngày qua. Số mắc mới cao chủ yếu do biến thể BA.2 của biến chủng Omicron làm lây lan nhanh hơn, tuy nhiên ít tăng nặng hơn. Do tỷ lệ bao phủ vắc xin cao trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là đã có sự chăm sóc đối tượng nguy cơ cao nên tỷ lệ chết/mắc trên phạm vi toàn quốc giảm sâu. Người khỏi bệnh vẫn có khả năng tái nhiễm, do vậy cần tiếp tục hoàn thành tiêm vắc xin mũi 3; triển khai các biện pháp ưu tiên quản lý, bảo vệ nhóm đối tượng nguy cơ cao; tăng cường năng lực cách ly, chăm sóc, điều trị quản lý người mắc COVID-19 tại nhà; nhất là thực hiện nghiêm thông điệp “5K + vắc xin + thuốc điều trị +

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác” là rất quan trọng trong việc kiểm soát ca lây nhiễm, hạn chế bệnh tăng nặng, tử vong.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Triển khai bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên. Trước mắt tiêm vắc xin phòng COVID-19 miễn phí cho người dân; sau khi tiêm đủ liều bổ sung, từng bước nghiên cứu cơ chế tiêm vắc xin dịch vụ sau khi tiêm đủ 3 mũi

2. Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết...tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà”.

3. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên...để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

4. Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

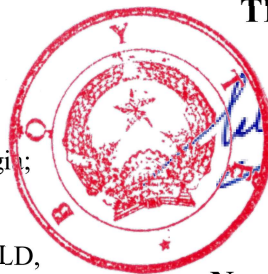
5. Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

6. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 30/3	Số mắc ngày 31/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 31/3	Số tử vong tích lũy đến 30/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		85.759	80.827	- 4.932	9.556.674	42.419
1	Hà Nội	8.141	8.054	-87	1.474.782	1.208
2	Hồ Chí Minh	984	924	-60	594.585	20.469
3	Nghệ An	3.731	3.399	-332	391.871	136
4	Bình Dương	1210	827	-383	376.566	3.449
5	Hải Dương	1.783	2.864	1.081	344.058	109
6	Vĩnh Phúc	2326	2039	-287	326.230	19
7	Bắc Ninh	1.854	1.653	-201	324.924	131
8	Bắc Giang	3999	2688	-1.311	314.831	88
9	Quảng Ninh	2564	2509	-55	295.602	125
10	Nam Định	695	672	-23	285.581	147
11	Phú Thọ	3580	3415	-165	277.327	78
12	Hưng Yên	1735	1784	49	225.859	5
13	Thái Bình	2067	1966	-101	205.390	21
14	Hòa Bình	1328	1160	-168	194.674	102
15	Thái Nguyên	1341	1179	-162	166.582	103
16	Lào Cai	3081	2981	-100	151.954	33
17	Cà Mau	1618	1265	-353	142.032	347
18	Lạng Sơn	2625	2159	-466	139.877	76
19	Đắc Lắc	3381	3107	-274	140.746	156
20	Sơn La	2023	1813	-210	137.210	
21	Thanh Hóa	570	535	-35	132.953	103
22	Tuyên Quang	1747	1672	-75	133.427	13
23	Bình Định	1391	1437	46	129.572	272
24	Tây Ninh	1391	1238	-153	128.484	864
25	Hải Phòng	466	365	-101	115.939	135
26	Khánh Hòa	466	386	-80	114.988	344
27	Bình Phước	1034	766	-268	110.257	213
28	Yên Bái	3206	3156	-50	113.958	11
29	Đồng Nai	49	97	48	106.049	1.827
30	Quảng Bình	2389	2352	-37	106.594	73
31	Hà Giang	2356	2344	-12	105.957	77
32	Đà Nẵng	783	736	-47	93.963	324
33	Ninh Bình	1047	1046	-1	91.011	88
34	Bến Tre	899	876	-23	89.950	442
35	Vĩnh Long	1454	1642	188	90.585	800
36	Điện Biên	1295	1164	-131	80.146	18
37	Lâm Đồng	1530	1264	-266	79.937	120
38	Cao Bằng	1640	1630	-10	80.351	44
39	Hà Nam	1308	1258	-50	73.431	59
40	Quảng Trị	1590	1369	-221	71.450	35
41	BRVT	712	688	-24	67.875	480
42	Lai Châu	1056	1097	41	64.104	
43	Trà Vinh	642	539	-103	62.995	280
44	Đồng Tháp	54	85	31	49.871	982
45	Bình Thuận	423	341	-82	49.686	459

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 30/3	Số mắc ngày 31/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 31/3	Số tử vong tích lũy đến 30/3
46	Cần Thơ	41	101	60	48.932	930
47	Gia Lai			0	48.456	98
48	Bắc Kạn	1907	1917	10	51.983	20
49	Phú Yên	320	408	88	48.150	121
50	Đắc Nông	452	426	-26	48.114	44
51	Long An	117	125	8	47.257	990
52	Bạc Liêu	163	166	3	44.978	446
53	Quảng Nam	276	270	-6	43.629	132
54	T.T.Huế	672	589	-83	41.687	172
55	An Giang	189	178	-11	39.520	1.364
56	Quảng Ngãi	766	920	154	40.364	119
57	Hà Tĩnh	784	757	-27	39.773	41
58	Kiên Giang	135	161	26	38.302	975
59	Tiền Giang	5	5	0	36.102	1.220
60	Sóc Trăng	112	52	-60	34.114	606
61	Kon Tum	201	179	-22	25.373	
62	Hậu Giang	29	12	-17	17.316	219
63	Ninh Thuận	26	20	-6	8.410	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	85.759	80.827	-4.932	9.556.876	42.419

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 30/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.231.961	6.003.016	0	226.742	4.242.620	702.873	678.939	18.086.151	101,9%
2	Hải Phòng	4.421.396	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,3%
3	Thái Bình	3.160.320	1.161.207	1.197.599	98.559	290.183	453.204	153.136	146.961	3.500.849	110,8%
4	Nam Định	3.209.500	1.149.285	1.133.355	0	57.360	898.040	158.398	156.097	3.552.535	110,7%
5	Hà Nam	1.823.260	584.206	575.103	0	276.820	275.211	71.440	69.249	1.852.029	101,6%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.255	79.446	2.056.591	118,1%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	422.017	1.478.648	283.977	281.834	7.107.109	91,9%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.080.374	149.985	149.460	4.133.366	111,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.137.272	1.094.929	0	360.434	503.891	115.781	108.900	3.321.207	106,4%
10	Phú Thọ	2.482.660	1.003.167	1.000.799	0	287.369	414.578	130.499	126.587	2.962.999	119,3%
11	Vĩnh Phúc	2.302.560	795.382	774.296	0	242.974	402.059	116.489	113.078	2.444.278	106,2%
12	Hải Dương	3.317.176	1.336.170	1.284.779	5.429	101.291	546.432	157.247	155.092	3.586.440	108,1%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	307.914	358.790	110.591	110.075	2.508.999	102,1%
14	Thái Nguyên	2.407.650	915.131	888.549	12.792	208.190	304.808	110.244	108.080	2.547.794	105,8%
15	Bắc Cạn	600.140	220.364	218.223	0	13.978	107.744	25.554	24.645	610.508	101,7%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.013.444	987.870	0	21.625	900.410	124.328	120.979	3.168.656	96,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
17	Hoà Bình	1.655.130	557.075	531.544	758	241.830	186.556	76.353	72.757	1.666.873	100,7%
18	Nghệ An	5.647.240	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	110,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	802.794	737.965	0	271.495	182.935	113.667	111.801	2.220.657	97,8%
20	Lai Châu	785.810	257.157	247.126	529	108.497	101.239	54.422	48.497	817.467	104,0%
21	Lạng Sơn	1.741.530	511.403	502.720	0	0	430.660	66.528	62.859	1.574.170	90,4%
22	Tuyên Quang	1.425.200	493.480	491.025	0	40.926	324.037	70.237	67.026	1.486.731	104,3%
23	Hà Giang	1.732.720	490.448	477.833	529	196.406	229.659	89.181	85.970	1.570.026	90,6%
24	Cao Bằng	995.520	350.822	332.658	0	73.318	127.239	45.548	41.433	971.018	97,5%
25	Yên Bái	1.640.754	518.383	509.161	0	265.378	214.617	80.108	76.103	1.663.750	101,4%
26	Lào Cai	1.539.820	467.459	457.011	0	257.134	143.597	81.556	75.841	1.482.598	96,3%
27	Sơn La	1.844.940	741.273	705.093	2.334	0	366.434	143.213	132.942	2.091.289	113,4%
28	Điện Biên	1.142.760	337.457	320.684	0	232.382	92.862	76.484	63.854	1.123.723	98,3%
Cộng miền Bắc		85.931.396	29.786.307	28.989.624	910.213	6.029.478	15.645.278	3.844.746	3.710.889	88.916.535	103,5%
29	Quảng Bình	1.562.332	538.489	523.077	0	172.162	190.995	80.728	74.087	1.579.538	101,1%
30	Quảng Trị	1.306.372	433.386	417.486	10.601	65.594	225.204	64.980	60.140	1.277.391	97,8%
31	TT- Huế	2.428.386	787.343	767.342	0	278.274	318.457	104.333	98.619	2.354.368	97,0%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.206	856.448	0	82.226	643.143	102.158	99.989	2.649.170	106,2%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.079.135	1.042.645	32.417	400.248	308.439	132.605	130.337	3.125.826	98,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.824	809.662	0	117.771	467.352	113.712	111.101	2.472.422	89,7%
35	Bình Định	2.974.270	1.049.885	1.016.555	53.924	361.093	353.283	141.431	139.289	3.115.460	104,7%
36	Phú Yên	1.732.454	626.695	599.328	508	78.475	277.822	85.722	81.605	1.750.155	101,0%
37	Khánh Hòa	2.757.854	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%
38	Ninh Thuận	1.233.610	432.382	403.673	0	154.117	174.416	61.784	59.084	1.285.456	104,2%
39	Bình Thuận	2.720.780	915.237	887.896	7.207	271.797	181.648	132.154	128.046	2.523.985	92,8%
Cộng miền Trung		25.156.914	8.560.282	8.277.031	104.657	2.377.341	3.494.522	1.141.696	1.097.823	25.053.352	99,6%
40	Kon Tum	1.026.100	321.449	320.436	10.696	94.614	113.718	58.967	55.533	975.413	95,1%
41	Gia Lai	2.759.482	996.091	920.457	80.425	216.022	299.401	167.610	145.125	2.825.131	102,4%
42	Đắk Lắk	3.430.970	1.259.808	1.200.852	0	519.064	266.926	178.061	164.158	3.588.869	104,6%
43	Đắk Nông	1.288.580	403.263	399.600	0	211.841	138.766	68.070	65.742	1.287.282	99,9%
Cộng Tây Nguyên		8.505.132	2.980.611	2.841.345	91.121	1.041.541	818.811	472.708	430.558	8.676.695	102,0%
44	TP. HCM	20.329.820	7.395.843	6.683.085	0	680.371	4.238.559	728.967	684.408	20.411.233	100,4%
45	BR-VT	2.756.626	971.107	911.315	0	24.768	639.952	110.539	109.284	2.766.965	100,4%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.722.360	2.360.334	0	174.881	633.596	284.677	274.559	6.450.407	96,8%
47	Tiền Giang	3.821.466	1.325.357	1.279.591	131.190	105.299	804.096	156.908	158.116	3.960.557	103,6%
48	Long An	4.337.696	1.501.535	1.465.071	0	22.864	1.142.790	171.747	157.212	4.461.219	102,8%
49	Lâm Đồng	2.991.030	982.960	966.831	0	527.792	253.928	138.865	120.218	2.990.594	100,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 135 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 135 đợt
50	Tây Ninh	2.606.794	948.905	895.623	0	32.471	507.711	109.066	100.641	2.594.417	99,5%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.587	944.147	6.003	343.105	302.358	110.280	102.829	2.753.309	99,5%
52	Sóc Trăng	2.583.664	899.036	865.520	0	670.511	48.563	116.852	111.026	2.711.508	104,9%
53	An Giang	4.085.900	1.373.951	1.356.485	191.573	472.354	366.721	206.909	192.281	4.160.274	101,8%
54	Bến Tre	3.005.278	1.023.999	1.011.373	0	475.253	272.245	106.936	104.949	2.994.755	99,6%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.900	764.904	0	290.632	338.787	92.890	88.112	2.354.225	100,7%
57	Đồng Tháp	3.659.806	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,4%
58	Bình Dương	6.422.152	2.633.972	2.196.314	0	163.789	1.304.378	199.855	167.983	6.666.291	103,8%
59	Bình Phước	2.267.174	753.440	722.990	0	221.702	257.133	109.584	100.949	2.165.798	95,5%
60	Kiên Giang	3.790.150	1.238.102	1.174.115	68.630	0	485.416	167.347	159.082	3.292.692	86,9%
61	Cà Mau	2.492.410	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	96,9%
62	Bạc Liêu	1.624.224	568.633	560.617	0	180.758	217.654	88.828	86.204	1.702.694	104,8%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.756	514.735	0	254.018	134.416	74.042	71.613	1.581.580	103,4%
Cộng miền Nam		82.169.708	29.274.585	27.367.927	397.544	5.464.683	12.871.986	3.343.234	3.141.485	81.861.444	99,6%

Ghi chú:

- 173.250 liều vắc xin Moderna đợt 134 và 286.518 liều vắc xin Pfizer đợt 135 có Quyết định phân bổ ngày 18/3/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.462.612 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 368.609 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 30/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	77,9%	100,0%	100,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	93,3%	96,2%	36,4%	100,0%	98,0%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	99,2%	97,8%	77,5%	99,5%	98,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,4%	93,9%	45,0%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	100,0%	100,0%	47,5%	100,0%	97,2%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	67,1%	99,5%	98,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	84,4%	100,0%	99,6%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,2%	95,5%	43,9%	99,2%	93,3%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,3%	99,0%	41,0%	100,0%	98,3%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	98,0%	50,9%	100,0%	97,5%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,4%	95,6%	40,7%	99,8%	98,4%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	43,4%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,8%	33,2%	100,0%	100,1%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	100,1%	99,1%	48,9%	100,0%	97,8%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	99,3%	96,8%	88,3%	100,0%	99,5%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	97,7%	93,2%	32,7%	100,0%	98,7%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,8%	23,0%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,4%	94,5%	38,7%	100,0%	92,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	99,3%	85,0%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	66,4%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	100,0%	97,5%	46,9%	99,2%	95,6%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,1%	90,2%	34,5%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,8%	42,1%	100,0%	96,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	32,3%	100,0%	94,9%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	95,6%	49,7%	100,0%	93,8%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,5%	94,5%	27,4%	100,0%	94,5%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.786.256	100,0%	100,0%	54,3%	100,0%	98,0%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,4%	96,6%	35,3%	100,0%	93,1%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,5%	92,0%	49,6%	99,2%	91,8%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,4%	40,8%	100,0%	95,6%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	96,8%	72,7%	99,9%	97,8%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	99,3%	96,0%	28,4%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	95,0%	54,8%	99,0%	96,7%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,2%	91,2%	31,7%	96,5%	95,1%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,5%	92,3%	42,8%	100,0%	95,2%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,5%	42,6%	100,0%	100,0%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,4%	20,1%	100,0%	99,3%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	99,2%	95,9%	40,5%	99,1%	95,3%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,9%	94,6%	33,6%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,9%	31,5%	100,0%	87,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
42	Đắc Lắc	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	21,1%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,7%	34,3%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	96,0%	27,7%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,9%	62,1%	87,6%	82,3%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,3%	66,9%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,8%	25,4%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,4%	61,8%	99,0%	99,7%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	78,7%	100,0%	93,8%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,5%	26,1%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,8%	53,2%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,7%	99,6%	31,9%	97,8%	91,2%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	100,2%	98,9%	26,7%	100,0%	96,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,6%	97,3%	26,2%	100,0%	100,0%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,5%	44,1%	100,0%	96,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.066.553	180.024	100,0%	100,0%	63,1%	100,0%	93,3%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,3%	95,3%	33,9%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	40,8%	96,8%	92,0%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,9%	38,0%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,4%	96,0%	25,1%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		27.828.051	3.406.718	100,0%	98,3%	46,3%	100,0%	92,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 29/3/2022 đến 16h00 ngày 30/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.741 lượt người (nhập cảnh: 2.253, xuất cảnh: 2.488).
- + Tuyến VN-TQ: 417 lượt người (nhập cảnh: 199, xuất cảnh: 218).
- + Tuyến VN-Lào: 2.158 lượt người (nhập cảnh 1.071, xuất cảnh: 1.087).
- + Tuyến VN-CPC: 2.166 lượt người (nhập cảnh 983; xuất cảnh: 1.183).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.207 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 1.085 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 92, VN-CPC: 992).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 100 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 100).
 - + Số người trao trả: 22 người (VN-TQ: 22; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 28/3/2022 tới ngày 29/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 2.757 lượt người (nhập cảnh: 1.899 lượt người; xuất cảnh: 858 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 4.849 lượt người (nhập cảnh: 2.157 lượt người; xuất cảnh: 2.692 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 31/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 34 tin/bài tiếng Việt; 52 ảnh trong nước và quốc tế; 13 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 03 đồ họa về tình hình dịch bệnh và công tác tiêm vaccine ngừa COVID-19.

TTXVN đã lập các chuyên trang thông tin về dịch bệnh COVID-19 tại địa chỉ: <https://ncov.vnnet.vn/> và <https://covid19.vnnet.vn;> đồng thời phổ biến thông tin trên các trang mạng xã hội của TTXVN bằng nhiều ngôn ngữ, được Facebook xác thực, đặc biệt là fanpage (bản tiếng Việt) tại địa chỉ: www.facebook.com/ThongtanxaVietNam.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 29/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.522.000 cuộc gọi (ngày 29/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 3 nghìn cuộc gọi).

19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3
5095	4094	4337	3910	4140	4155	3589	3136	2447	3125	3235

- Tổng đài hỗ trợ khai bảo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 29/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 29/3/2022 đã tiếp nhận 27 cuộc).

Tiêu chí	19/3	20/3	21/3	22/3	23/3	24/3	25/3	26/3	27/3	28/3	29/3
Cuộc gọi đến	27	23	26	29	32	36	31	23	22	29	27

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 42.793.227, chiếm 44,61% dân số, 64,17% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.784.543 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 273.818.799

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 205.882.049

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 192.984.087

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,73%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.609.888

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCĐ Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: chuẩn bị tiêm vắc-xin cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi; lập đường dây nóng hỗ trợ F0 tại nhà...

- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan; chăm sóc sức khỏe hậu COVID-19.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Chương trình Tiêm chủng mở rộng quốc gia, Bộ Y tế đang phối hợp với Đại sứ quán Úc để đưa vắc-xin về Việt Nam. Đợt 1 có khoảng 9,7 triệu liều, dự kiến vận chuyển về Việt Nam vào đầu tháng 4. Đợt 2 có khoảng 4 triệu liều, được Chính phủ Úc viện trợ thông qua Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF).

- Bộ Y tế sẽ tập huấn, hướng dẫn chuyên môn triển khai tiêm vắc-xin cho trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi cho các địa phương; hướng dẫn xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức buổi tiêm chủng, góp phần bảo đảm an toàn chung.

- Bộ Y tế cho biết, việc tiêm vắc-xin cho trẻ 5 - 11 tuổi sẽ triển khai theo chiến dịch, miễn phí tại các cơ sở tiêm chủng cố định ở trạm y tế phường - xã, bệnh viện, điểm tiêm lưu động và trường học. Trẻ trong độ tuổi đi học sẽ được lập danh sách theo lớp và trẻ 5 tuổi đang học mẫu giáo. Những trẻ không đi học sẽ được điều tra và lập danh sách tại cộng đồng để bảo đảm không bỏ lỡ cơ hội tiêm chủng.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại một số địa phương:

- Bến Tre: Đẩy mạnh tuyên truyền về sự cần thiết, hiệu quả của việc tiêm vắc-xin mũi 3 trong việc bảo vệ sức khỏe người dân, nhất là người lớn tuổi, người có bệnh nền. Đồng thời, rà soát, quản lý chặt đối tượng tiêm, tiêm ngay cho người dân khi đến lịch và hoàn thành việc tiêm mũi 3 trên địa bàn trong tháng 3/2022.

- Sơn La: Để đảm bảo an toàn, hiệu quả trong công tác điều trị, theo dõi F0 tại nhà, Sở Y tế đã thiết lập hệ thống đường dây nóng và thành lập các tổ tư vấn, hỗ trợ cho bệnh nhân. Chủ động cung cấp thuốc, sinh phẩm xét nghiệm, trang thiết bị, nhất là oxy y tế tại các cơ sở điều trị, đáp ứng mọi tình huống dịch bệnh.